

Số: 33/2021/QĐST-DS

Bình Tân, ngày 26 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 18 tháng 11 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 17/2021/TLST- DS ngày 27 tháng 01 năm 2021

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1.1. Nguyên đơn:

1.1.1 Ông Lâm S, sinh năm 1962

1.1.2 Ông Lâm Kim P, sinh năm 1958

Địa chỉ: Tổ 7, khóm T, thị trấn Q, huyện B, tỉnh Vĩnh Long

1.1.3 Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1965

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện B, tỉnh Vĩnh Long

Đại diện theo ủy quyền của ông T là ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1976

Địa chỉ: Tổ 7, khóm T, thị trấn Q, huyện B, tỉnh Vĩnh Long

1.2 Bị đơn: Ông Bùi Văn S, sinh năm 1959

Địa chỉ: Tổ 07, khóm T, thị trấn Q, huyện B, tỉnh Vĩnh Long

1.3 Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1.3.1 Bà Lâm Cẩm X, sinh năm 1954

Địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện H, tỉnh Long An

1.3.2 Bà Lâm Thị Cẩm S, sinh năm 1957

1.3.3 Bà Lâm Thị Kim A, sinh năm 1960

1.3.4 Ông Lâm N, sinh năm 1963

1.3.5 Ông Lâm H, sinh năm 1966

1.3.6 Ông Lâm Viên O, sinh năm 1967

1.3.7 Ông Lâm Văn D, sinh năm 1971

Địa chỉ: Khóm T, thị trấn Q, huyện B, tỉnh Vĩnh Long

1.3.8 Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1982

Địa chỉ: Tổ 9, khóm 5, Phường T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 10/10/1993 giữa bà Bùi Thị C (chết năm 2009) và ông Bùi Văn S, bà Bùi Thị C có chồng là ông Lâm B (chết năm 1990), 09 người con gồm bà Lâm Cẩm X, bà Lâm Thị Cẩm S, bà Lâm Thị Kim Ánh, ông Lâm Sơn, ông Lâm Nguyên, ông Lâm Hên, ông Lâm Viên O, ông Lâm Văn D. Bà Lâm Cẩm X, bà Lâm Thị Cẩm S, bà Lâm Thị Kim A, ông Lâm N, ông Lâm H, ông Lâm Viên O, ông Lâm Văn D thống nhất giao cho ông Lâm S đứng tên quyền sử dụng đất. Đất thuộc chiết thửa 923 có diện tích là $891,2m^2$ tờ bản đồ số 09 tọa lạc khóm T, thị trấn Q, huyện B, tỉnh Vĩnh Long do ông Bùi Văn S đứng tên quyền sử dụng đất. Ông Bùi Văn S thống nhất tách thửa cho ông Lâm S với $50m^2$ đất ở, $841,2m^2$ đất CLN.

Ông Lâm S được đứng tên quyền sử dụng đất tách 923, diện tích $891,2m^2$ (trong đó có $50m^2$ đất ở, $841,2m^2$ đất CLN) gồm các mốc 1-2-3-4-5-6-7-8-1 tọa lạc khóm T, thị trấn Q, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 31/5/2021 của Phòng Tài nguyên môi trường huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Ông Lâm S đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền kê khai đăng ký quyền sử dụng đất tách 923, diện tích $891,2m^2$ (trong đó có $50m^2$ đất ở, $841,2m^2$ đất CLN) gồm các mốc 1-2-3-4-5-6-7-8-1 tọa lạc khóm T, thị trấn Q, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 31/5/2021 của Phòng Tài nguyên môi trường huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

2.2. Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 26/6/1993 giữa ông Lâm Kim P và ông Bùi Văn S. Đất thuộc chiết thửa 923-1 có diện tích là $187,9m^2$ tờ bản đồ số 09 tọa lạc khóm T, thị trấn Q, huyện B, tỉnh Vĩnh Long do ông Bùi Văn S đứng tên quyền sử dụng đất. Ông Bùi Văn S thống nhất tách thửa cho ông Lâm Kim P với $50m^2$ đất ở, $137,9m^2$ đất CLN.

Ông Lâm Kim P được đứng tên quyền sử dụng đất tách 923-1, diện tích $187,9m^2$ (trong đó có $50m^2$ đất ở, $137,9m^2$ đất CLN) gồm các mốc 2-3-4-5-6-7-2 tọa lạc khóm T, thị trấn Q, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 31/5/2021 của Phòng Tài nguyên môi trường huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Ông Lâm Kim P đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền kê khai đăng ký quyền sử dụng đất tách 923-1, diện tích $187,9m^2$ (trong đó có $50m^2$ đất ở, $137,9m^2$ đất CLN) gồm các mốc 2-3-4-5-6-7-2 tọa lạc khóm T, thị trấn Q, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 31/5/2021 của Phòng Tài nguyên môi trường huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

2.3. Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 22/2/1993 giữa ông Nguyễn Thanh T và ông Bùi Văn S. Đất thuộc chiết thửa 923 -2 có diện tích

là 333,5m² tờ bản đồ số 09 tọa lạc khóm T, thị trấn Q, huyện B, tỉnh Vĩnh Long do ông Bùi Văn S đứng tên quyền sử dụng đất. Ông Bùi Văn S thống nhất tách thửa cho ông Nguyễn Thanh T với 50m² đất ở, 283,5m² đất CLN.

Ông Nguyễn Thanh T được đứng tên quyền sử dụng đất tách 923-2, diện tích 333,5m² (trong đó có 50m² đất ở, 283,5m² đất CLN) gồm các mốc 1-2-7-8-9-10-11-1 tọa lạc khóm T, thị trấn Q, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 31/5/2021 của Phòng Tài nguyên môi trường huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Ông Nguyễn Thanh T đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền kê khai đăng ký quyền sử dụng đất tách 923-2, diện tích 333,5m² (trong đó có 50m² đất ở, 283,5m² đất CLN) gồm các mốc 1-2-7-8-9-10-11-1 tọa lạc khóm T, thị trấn Q, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 31/5/2021 của Phòng Tài nguyên môi trường huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị N

Án phí: Ông Lâm S, ông Lâm Kim P, ông Nguyễn Thanh T tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Ông Lâm Kim P là người cao tuổi nên được miễn nộp. Ông Lâm S, ông Nguyễn Thanh T mỗi người nộp 150.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Lâm S 150.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0011815 ngày 27/01/2021 của chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân. Hoàn trả cho ông Nguyễn Thanh T 150.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0011816 ngày 27/01/2021 của chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị N 750.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0011965 ngày 10/06/2021 của chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân.

Về chi phí khảo sát đo đạc là 4.298.000đ, ông Lâm S, ông Lâm Kim P, ông Nguyễn Thanh T tự nguyện chịu chi phí này, cụ thể mỗi người chịu 1.433.000đ, các ông đã nộp xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Dương sự;

THẨM PHÁN

- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Ánh Dương

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

- (1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).
- (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).
- (3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).
- (4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.
- (5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).